

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ TIẾP THU HOÀN THIỆN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN-TTĐVNN ngày tháng năm 2024)

STT	Đơn vị và nội dung góp ý	Văn bản góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	Sở Tư pháp	<p>Công văn số 1526/STP-PC ngày 27/7/2024.</p> <p>Nội dung góp ý:</p> <p>“Ngày 06/02/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 553/UBND-TH về việc đăng ký nội dung và chuẩn bị hồ sơ trình các kỳ họp của HĐND tỉnh trong năm 2024. Theo đó, về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện, yêu cầu các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo đúng với Hướng dẫn của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn 519/HĐND ngày 20/12/2022; Quy chế làm việc của UBND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 (ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh) và quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2020), Công văn 519/HĐND và các văn bản có liên quan, <i>Sở Tư pháp đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh có Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định.</i>”</p>	<p>Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu ý kiến góp ý về tham mưu UBND tỉnh có Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết gửi Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định ban hành nghị quyết nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>

2	Sở Tài chính	Công văn số 2539/STC-HCSN ngày 08/8/2024.	
		<p>1. Tại Điều 3 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.</p> <p>2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và điều chỉnh:</p> <p>Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông.</p> <p>1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.</p> <p>2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>
		<p>2. Tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết:</p>	
		<p>- Tại điểm a: “Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và PTNT thấy rằng nếu mức chi này theo quy định hiện hành là chưa rõ và bản cụ thể để áp dụng, do đó đề nghị giữ nguyên như nội dung dự thảo, cụ thể:</p> <p>“a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng</p>

			<p>chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp”.</p>
		<p>- Tại điểm b, đề nghị điều chỉnh thành “Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; và các khoản hỗ trợ công tác phí cho giảng viên, trợ giảng mức chi thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	<p>Theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính và UBND huyện Phú Riềng, Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu và điều chỉnh như sau: Điều chỉnh nội dung điểm b thành thành “Chi thù lao giảng viên và các khoản hỗ trợ công tác phí cho giảng viên”. Bỏ cụm từ “trợ giảng” vì khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh không chi thù lao cho trợ giảng.</p> <p>Về mức chi Sở Nông nghiệp và PTNT có ý kiến như sau:</p> <p>Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính đã được thay thế bằng Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,</p>

			<p>viên chức.</p> <p>Do đó, Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên đề nghị thực hiện theo quy định Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính.</p> <p>Nội dung điểm b chỉnh sửa thành:</p> <p>“b. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên và các khoản hỗ trợ công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên: Mức chi thù lao giảng viên thực hiện theo quy định Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính; các khoản hỗ trợ công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên thực hiện theo khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
		<p>- Tại điểm c đề nghị điều chỉnh thành “Các khoản chi thực tế phục vụ tổ chức lớp học: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh”</p>	<p>Thông nhất điều chỉnh điểm c thành:</p> <p>“c. Các khoản chi thực tế phục vụ tổ chức lớp học: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 8, khoản 3 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”</p>
		<p>- Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm d, đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện như sau:</p>	<p>Thông nhất với nội dung góp ý. Gạch đầu dòng thứ nhất điểm d được điều chỉnh như sau:</p> <p>“- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện như sau:</p>

		<p>Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn, mức chi áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí tiền ở cho học viên, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”</p>	<p>Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn, mức chi áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí tiền ở cho học viên, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”</p>
		<p>- Tại gạch đầu dòng thứ hai khoản d, đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: mức hỗ trợ như đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm d khoản 2 Điều</p>	<p>Thống nhất với nội dung góp ý. Gạch đầu dòng thứ hai điểm d được điều chỉnh như sau:</p> <p>“Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo: mức hỗ trợ như đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị</p>

		<p>5 Nghị quyết này.</p> <p>Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại không quá 50% theo mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí, mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ tối đa 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.”</p>	<p>quyết này.</p> <p>Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại không quá 50% theo mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí, mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ tối đa 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.”</p>
		<p>3. Tại khoản 2 Điều 6 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết</p>	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm a đề nghị điều chỉnh như sau: <ul style="list-style-type: none"> “a) Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng - Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Thực hiện theo quy 	<p>Thống nhất với nội dung góp ý tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a như sau:</p> <p>“- Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: Thực hiện theo quy định về đấu thầu, hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ</p>

định về đấu thầu, hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ thực tế hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.”

thực tế hợp pháp đúng quy định của pháp luật.”

Riêng nội dung “Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.” Sở Nông nghiệp và PTNT xét thấy, ghi mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành là chưa rõ văn bản để áp dụng. Hiện nay, tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh – Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Do đó, viện dẫn quyết định này làm căn cứ để áp dụng, thực hiện nhiệm vụ chi cho công tác này là phù hợp với quy định.

Nội dung được thể hiện cụ thể như sau:

“- Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: mức chi thực hiện theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh – Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan,

			đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.”
		<p>Đề nghị gộp điểm b và điểm c như sau:</p> <p>“b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”</p>	<p>Thống nhất gộp điểm b và điểm c thành điểm b như sau:</p> <p>“b) Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập, hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng: thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.”</p>
		<p>- Tại điểm đ, điều chỉnh như sau:</p> <p>“đ) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.”</p>	<p>Điều chỉnh điểm đ thành d theo thứ tự. Nội dung góp ý “d) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành là chưa cụ thể các văn bản để áp dụng. Qua nghiên cứu các văn bản có liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT đề xuất mức chi cho hoạt động này như sau:</p> <p>“d) Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Nội dung quy định cụ thể tại mục 5 (Chi tổ chức cuộc thi, hội thi), Phụ lục ban hành kèm theo nghị quyết.</p>
		<p>- Tại điểm e, điều chỉnh như sau:</p>	<p>- Điểm e sửa thành điểm đ theo thứ tự.</p>

		<p>“e) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.”</p>	<p>Nội dung góp ý “mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành” là chưa rõ các văn bản làm căn cứ áp dụng, do đó đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Nội dung cụ thể như sau:</p> <p>“đ) Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</p>
		<p>4. Tại Điều 7 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết</p>	
		<p>- Tại khoản 3 điều chỉnh từ “Quy định một số nội dung chi, mức chi” thành “3. Đối với mô hình trình diễn”.</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên cụm từ tại khoản “3. Quy định một số nội dung chi, mức chi”, vì khoản này quy định cụ thể nội dung chi, mức chi đối với hoạt động xây dựng và nhân rộng mô hình.</p>
		<p>- Đề nghị gộp nội dung tại điểm a, điểm b khoản 3 và ghi rõ từng nội dung hỗ trợ được áp dụng tại địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>	<p>Tiếp thu nội dung góp ý, nội dung khoản 3 được nêu cụ thể như sau:</p> <p>“3. Quy định một số nội dung chi, mức chi.</p> <p>a) Hỗ trợ xây dựng mô hình.</p> <p>- Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối</p>

			<p>đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi được hỗ trợ tối đa 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; - Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; - Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (áp dụng đối với tất cả các địa bàn); - Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (áp dụng đối với tất cả các địa bàn); - Mô hình chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh hỗ trợ tối đa 100% chi phí khi tham gia xây dựng mô hình (áp dụng đối với tất cả các loại mô hình).” <p>Đồng thời điều chỉnh các điểm c, d, đ theo thứ tự phù hợp.</p>
		<p>- Tại khoản c, đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>“- Chi tài liệu, văn phòng phẩm, băng rôn, khẩu hiệu, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng dầu, thuê xe, tiền ăn, nước uống, Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng: Mức chi thực hiện theo</p>	<p>Thông nhất điều chỉnh nội dung điểm c thành:</p> <p>“c. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:</p> <p>Chi tài liệu, văn phòng phẩm, băng rôn, khẩu hiệu, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng dầu, thuê xe, tiền ăn,</p>

		quy định hiện tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này.”	nước uống, chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên: Mức chi thực hiện theo quy định hiện tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.”
		4. Đề nghị bỏ khoản 4 Điều 10 của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết, lý do: các nội dung chi theo dự thảo đã được ngân sách nhà nước cấp theo quy định của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 7/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất theo góp ý của Sở Tài chính
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn 1614/SKHCN ngày 01/8/2024. Nội dung góp ý:	
		- Về tên dự thảo Nghị quyết: + Đề nghị bỏ từ “chi” trong cụm từ “mức chi hỗ trợ” để phù hợp theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC trong đó quy định thẩm quyền HĐND quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương. Đồng thời bổ sung từ “ban hành” sau cụm từ “Nghị quyết”. Lý do: Nghị quyết này là xây dựng theo hướng ban hành kèm theo Quy định, không phải nghị quyết quy định trực tiếp. Đề nghị sửa lại thành “Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa	Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu và chỉnh sửa nội dung đã được góp ý như sau: - Về tên dự thảo Nghị quyết: “Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”. Đồng thời, đã tiến hành rà soát sửa tên nghị quyết trong toàn bộ dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, Quy định kèm theo nghị quyết cho thống nhất.

		<p>bản tỉnh Bình Phước”.</p> <p>- Đề nghị rà soát sửa tên nghị quyết trong toàn bộ dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, Quy định kèm theo nghị quyết cho thống nhất.</p>	
		<p>- Về quy định kèm theo Nghị quyết.</p> <p>+ Về phạm vi điều chỉnh:</p> <p>(1) Đề nghị bỏ đoạn “theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính Phủ)”. Lý do: đã được khẳng định trong phần căn cứ pháp lý để ban hành nghị quyết.</p> <p>(2)</p>	<p>(1) Thống nhất sửa khoản 1, Điều 1 thành “1. Quy định này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.</p>
4	Sở Thông tin và Truyền thông	<p>Công văn 1245/STTT-TTra ngày 29/7/2024.</p> <p>Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”</p>	<p>Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.</p>
5	Sở Giao thông vận tải	<p>Công văn số 1020/GTVT-HTGT ngày 30/7/2024.</p> <p>Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”</p>	<p>Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.</p>
6	Sở Kế hoạch và	<p>Công văn số 1928/SKHĐT-HTQH ngày</p>	<p>Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý</p>

	Đầu tư	36/7/2024. Nội dung góp ý: “Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp ý kiến của Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành có liên quan”	kiến các Sở, ngành, địa phương.
7	Sở Xây dựng	Công văn số 2169/SXD-VP ngày 31/7/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 3049/SGDDĐT-QLCLGD ngày 31/7/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
9	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	Công văn số 315/TTXT-ĐTTMDL ngày 25/7/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
10	Sở Y tế	Công văn số 4473/SYT-KHTC ngày 26 tháng 7 năm 2024 Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.

		địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo”	
11	Ban quản lý Khu kinh tế	Công văn số 1412/BQL-CNC ngày 16/8/2024 Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
12	UBND TP. Đồng Xoài	Công văn số 3060/UBND-KT ngày 02/8/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
13	UBND huyện Chơn Thành	Công văn số 1089/UBND-KTN ngày 08/8/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
14	UBND thị xã Phước Long	Công văn số 2191/UBND-SX ngày 07/8/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương

15	UBND thị xã Bình Long	<p>Công văn số 2713/UBND-KTN ngày 07/8/2024. Nội dung góp ý:</p> <p>“Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.</p>	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương
16	UBND huyện Phú Riềng	<p>Công văn số 1582/UBND-SX ngày 05/8/2024. Nội dung góp ý:</p> <p>+ Tại mục b, khoản 2, Điều 5 của dự thảo Nghị quyết có nêu “Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; hướng dẫn tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”. Tuy nhiên, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính thì không nêu rõ mức chi cho trợ giảng mà chỉ nêu mức chi cho giảng viên, báo cáo viên. Vì thế, để có cơ sở căn cứ khi thẩm định dự toán, UBND huyện Phú Riềng đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT nêu rõ mức chi cho trợ giảng trong dự thảo Nghị quyết.</p> <p>+ Trong Thông tư số số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định</p>	<p>Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến góp ý, đã bỏ cụm từ “trợ giảng” ra khỏi dự thảo, lý do Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính không quy định mức chi cho trợ giảng.</p> <p>Đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 2 của bản Quy định. Trong trường hợp này, nếu đối</p>

		việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không phải là đối tượng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp như Hợp tác xã, Tổ hợp tác, người dân. Như vậy, có áp dụng được không, nếu áp dụng thì nên nêu cụ thể tại Điều, Khoản, Điểm để dễ căn cứ, áp dụng	tượng là “Hợp tác xã, Tổ hợp tác, người dân” có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đều thuộc đối tượng áp dụng theo quy định.
17	UBND huyện Bù Đốp	Công văn số 1710/UBND-KTN ngày 14/8/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
18	UBND huyện Hớn Quản	Công văn số 2116/UBND-KTN ngày 08/8/2024. Nội dung góp ý: “Thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước”	Nội dung đã được rà soát và chỉnh sửa theo ý kiến các Sở, ngành, địa phương.
19	UBND huyện Bù Gia Mập	Không có văn bản phản hồi	
20	UBND huyện Lộc Ninh	Không có văn bản phản hồi	
21	UBND huyện Bù Đăng	Không có văn bản phản hồi	

22	UBND huyện Đông Phú	Không có văn bản phản hồi	
----	--------------------------------	---------------------------	--